



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0007554.24
MSM: HCM.24.2711.NT01

Tên mẫu : Nước thải
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa chỉ : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày nhận mẫu : 26/06/2024
Ngày trả kết quả : 08/07/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				NT01
1	pH ^(#)	-	TCVN 6492:2011	6,82
2	BOD ₅ (20°C) ^(#)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	15
3	COD ^(#)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	24
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(#)	mg/L	SMEWW 2540D:2023	18
5	Tổng dầu mỡ khoáng ^(#)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	< 1,2
6	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	TCVN 5988:1995	0,68
7	Tổng Nito ^(#)	mg/L	TCVN 6638:2000	8,92
8	Tổng Photpho (tính theo P) ^(#)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,13
9	Clo dư ^(#)	mg/L	TCVN 6225-2:2021	< 0,03
10	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	2,2 x 10 ³

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NT01: Nước thải đầu ra HTXL nước thải tập trung (X=1118222; Y=576809);
- ^(#): Thông số được chứng nhận Vilas.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

KT. Giám đốc

P. Giám đốc



Lại Minh Tiến



TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG NAM

VP: Số 14 Đường số 4, KDC Bình Hưng, X. Bình Hưng, Bình Chánh, Tp. HCM
Trụ sở: 15 Đoàn Thị Điểm, Phường 4, Tp. Vũng Tàu.
Điện thoại: 028.62.619.691 Fax: 028.62.619.419
Hotline: 0902.585.140 (Mr. Thu) 0906.737.001 (Mr. Tiến)
Website: www.moitruongphuongnam.vn



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 0007555.24
MSM: HCM.24.2711.NDD01

Tên mẫu : Nước dưới đất
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HÙNG PHÚC
Địa chỉ : Lô 2-9A2, KCN Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TPCT
Số lượng : 01 mẫu
Ngày nhận mẫu : 26/06/2024
Ngày trả kết quả : 08/07/2024

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 09:2023/BTNMT
				NDD01	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,25	5,8 ÷ 8,5
2	Tổng Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2023	< 1,8	3
3	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ E:2023	2,43	15
4	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023	< 0,010	1
5	Chỉ số Pecmanganat	mg/L	TCVN 6186:1996	2,54	4
6	Độ cứng tổng số	mg/L	SMEWW 2340C:2023	121,3	500
7	Clorua (Cl ⁻)	mg/L	SMEWW 4500.Cl ⁻ .B:2023	184,7	250
8	Nitrit (NO ₂ ⁻) (tính theo N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023	0,081	1
9	Sắt (Fe)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,4	5
10	E.Coli	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B&F:2023	Không phát hiện	Không phát hiện

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo;
- Mẫu được lưu 5 ngày, kể từ ngày trả kết quả. Ngoại trừ chỉ tiêu vi sinh;
- NDD01: Nước ngầm tại giếng HP1, X=1118248; Y=576815;
- QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

Trưởng phòng thí nghiệm

Nguyễn Thanh Phong

Kiểm tra
P. Giám đốc
TRUNG TÂM
PHÂN TÍCH VÀ
ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG
PHƯƠNG NAM
Lê Minh Tiến